

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DS-PT
Ngày 15/9/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Ông Ngô Chậu

Ông Lương Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ T An, Cán bộ tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Trần Thị Thu Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2021/QĐPT-DS ngày 13/5/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 137/TB-TDS ngày 06/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố L, phường T, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/12/1998 bà Đinh Thị Thanh T có cho ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh Th vay số tiền 35.500.000 đồng và hẹn đến ngày 13/12/1999 trả nợ; nhưng đến ngày 13/12/1999 ông H, bà Th không trả nợ như đã hẹn mặc dù bà T đã đòi nợ nhiều lần. Nay bà T yêu cầu ông H, bà Th trả số tiền gốc đã vay còn nợ 35.500.000 đồng và tiền lãi

suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến nay và chi phí tố tụng việc thực hiện thông báo tìm kiếm vắng mặt đối với bị đơn tại nơi cư trú.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H, bà Nguyễn Thị Thanh Th vắng mặt không có lời trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đ đã quyết định:

Áp dụng các điều 35, 93, 94, 147, 227, 228, 273 và 385 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận khởi kiện của bà Đinh Thị Thanh T về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H và bà Đinh Thị Thanh Th có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay 35.500.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) và tính lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước từ ngày 13 tháng 12 năm 1998 đến nay và yêu cầu bị đơn phải chịu tiền chi phí tố tụng việc thực hiện tìm kiếm vắng của bị đơn tại nơi cư trú.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quy định về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, Kiểm sát viên đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm

c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 1 Điều 299 và Điều 311 Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về án phí: Do rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Vì bà Đinh Thị Thanh T là hộ cận nghèo có mã số CBH 0356 nên được miễn theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 1 Điều 299 và Điều 311 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Hủy bản án sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Đinh Thị Thanh T và bị đơn ông Nguyễn Hoàng H, bà Nguyễn Thị Thanh Th; Đình chỉ giải quyết vụ án.

[2] Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Đinh Thị Thanh T được miễn.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thị xã Đ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- P.TTNV&THA;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà

Trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền như trên mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Lãi phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí:

- Bị đơn bà Trịnh Thị Thu phải chịu 2.650.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí

dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền số 0009449 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa nên còn phải nộp 2.650.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) .

- Trả lại cho nguyên đơn bà Đoàn Thị nhiệm số tiền 1.775.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai số 0009365 ngày 05/7/2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hoàng

Lê Thị Thái Lan

Đặng Thị Thu Hằng

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện Tuy An (2);
- CCTHADS huyện Tuy An;
- P.GĐKT;
- VP-TNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hoàng